

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 4568/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 10 tháng 12 năm 2023

SỞ TƯ PHÁP

ĐẾN Số: 10.934  
Ngày 29/12/2023  
Chuyên:  
Số và ký hiệu HS:

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ký thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Kết luận số 295-KL-TU ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khóa XX) về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII, kỳ họp thứ 14 về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo các phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán ngân sách năm 2024 được giao, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:



1. Thực hiện cơ chế tạo nguồn để cải cách tiền lương trong năm 2024 từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; tiết kiệm 10% số chi thường xuyên theo quy định; nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2023 còn dư chuyển sang (nếu có). Đồng thời, tiếp tục phân bổ phần kinh phí 50% tăng thu ngân sách huyện, thị xã, thành phố được hưởng dự toán tỉnh giao năm 2023 so với dự toán năm 2022 và kinh phí đã bố trí trong định mức chi thường xuyên ngân sách huyện, thị xã, thành phố để thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2024; 50% tăng thu ngân sách huyện, thị xã, thành phố được hưởng dự toán tỉnh giao năm 2024 so với dự toán năm 2023 và 70% tăng thu thực hiện so với dự toán ngân sách tỉnh giao năm 2023 theo quy định để tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2024 và tích lũy cho giai đoạn 2024-2026; chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn các xã, phường, thị trấn thực hiện chi trả lương và phụ cấp cho các đối tượng được hưởng kịp thời, đúng quy định.

2. Thực hiện giao dự toán thu, chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp, biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các khoản kinh phí thuộc các lĩnh vực theo đối cụ thể sau: chương trình bảo vệ môi trường; kích cầu du lịch; xây dựng nhà ở cho người nghèo; hoạt động trong lĩnh vực truyền thông, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Riêng đối với kinh phí thực hiện chuyển đổi số, cần gắn với mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể, có thời hạn hoàn thành; ưu tiên cho đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực và cần phải có tỷ lệ vốn đối ứng phù hợp từ ngân sách cấp huyện; trường hợp cần thiết, xây dựng Đề án báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đề xuất phân bổ chi tiết đối với khoản bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh để thực hiện nội dung chuyển đổi số, cải cách hành chính trên địa bàn theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh (tại Phụ lục số 10 kèm theo Quyết định này), gửi Sở Nội vụ thẩm định đối với kinh phí thực hiện cải cách hành chính và Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định đối với kinh phí chuyển đổi số. Sau khi thẩm định, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông gửi kết quả thẩm định cho Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 3.** Giao Giám đốc Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Quyết định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- LĐ và CV VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTTHCB, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Anh Tuấn**

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**  
(Kèm theo Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Định)

**ĐƠN VỊ: SỞ TƯ PHÁP**

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC													Sử dụng số thu được để lại theo chế độ quy định thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2024
		Tổng dự toán				Ngân sách quản lý				Dự toán còn lại giao cho đơn vị được sử dụng (3)					
		Tổng số	Ngân sách		Nguồn thu phí, lệ phí	Tổng số	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	Đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3 giảm 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước (Theo K 4 Đ 35 NĐ 60) năm 2024	Số phí, lệ phí nộp NSNN	Tổng số	Ngân sách			Số phí đơn vị được sử dụng	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ							Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ/cấp chi thường xuyên	Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị đối với kinh phí tự chủ (2)	Kinh phí không tự chủ		
1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+...+12	10=2-7-11	11	12	13	14		
A	<b>TỔNG DỰ TOÁN THU, CHI NSNN</b>	<b>26.752</b>	<b>8.280</b>	<b>9.344</b>	<b>9.128</b>	<b>3.031,60</b>	<b>916</b>	<b>2.115,60</b>	<b>23.720</b>	<b>8.126</b>	<b>154</b>	<b>8.428</b>	<b>7.012,40</b>	<b>504</b>	
A	<b>SỐ THU, CHI: LỆ PHÍ, PHÍ</b>	<b>9.128</b>			<b>9.128</b>	<b>2.115,60</b>		<b>2.115,60</b>	<b>7.012,40</b>				<b>7.012,40</b>		
1	Số thu phí, lệ phí	9.128			9.128										
1.1	Lệ phí	18			18										
a	Lệ phí cấp thẻ công chứng viên	3			3										
b	Lệ phí đăng ký văn phòng luật sư	2			2										
c	Lệ phí cấp thẻ đấu giá viên	2			2										
d	Lệ phí đăng ký nuôi con nuôi	9			9										
e	Lệ phí xin nhập quốc tịch Việt Nam	2			2										
1.2	Phí	9.110			9.110										
a	Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp	1.800			1.800										
b	Phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng	4			4										
c	Phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	2			2										
d	Phí sử dụng thông tin cơ sở dữ liệu hộ tịch	1			1										
e	Phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, xác nhận là người gốc Việt Nam	3			3										
f	Phí công chứng	7.300			7.300										
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại								<b>7.012,40</b>				<b>7.012,40</b>		
2.1	Chi quản lý hành chính								<b>1.537,40</b>				<b>1.537,40</b>		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								1.537,40				1.537,40		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ														
2.2	Chi sự nghiệp kinh tế								<b>5.475,00</b>				<b>5.475,00</b>		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								5.475,00				5.475,00		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên														





Số TT	Nội dung	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC												Số phi đơn vị được sử dụng	Sử dụng số thu được để lại theo chế độ quy định thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2024
		Tổng dự toán			Ngân sách quản lý					Dự toán còn lại giao cho đơn vị được sử dụng (3)					
		Tổng số	Ngân sách		Tổng số	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	Đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3 giảm 2,5 % chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước (Theo K 4 Đ 35 ND 60) năm 2024	Số phi, lệ phí nộp NSNN	Tổng số	Ngân sách		Số phi đơn vị được sử dụng			
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ						Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ/cấp chi thường xuyên	Kinh phí không tự chủ				
								Kinh phí tự chủ (1)	Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị đối với kinh phí tự chủ (2)						
<b>3</b>	<b>Số phi, lệ phí nộp NSNN</b>														
<b>3.1</b>	<b>Lệ phí</b>														
a	Lệ phí cấp thẻ công chứng viên														
b	Lệ phí đăng ký văn phòng luật sư														
c	Lệ phí cấp thẻ dấu giá viên														
d	Lệ phí đăng ký nuôi con nuôi														
e	Lệ phí xin nhập quốc tịch Việt Nam														
<b>3.2</b>	<b>Phí</b>														
a	Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp														
b	Phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng														
c	Phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đầu giá tài sản														
d	Phí sử dụng thông tin cơ sở dữ liệu hộ tịch														
e	Phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, xác nhận là người gốc Việt Nam														
f	Phí công chứng														
<b>B</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>17.624</b>	<b>8.280</b>	<b>9.344</b>	<b>916</b>	<b>916</b>		<b>16.708</b>	<b>8.126</b>	<b>154</b>	<b>8.428</b>				
<b>I</b>	<b>CHI HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b>	<b>9.889</b>	<b>4.865</b>	<b>5.024</b>	<b>493</b>	<b>493</b>		<b>9.396</b>	<b>4.766</b>	<b>99</b>	<b>4.531</b>				<b>504</b>
1	Quản lý Nhà nước	4.865	4.865					4.865	4.766	99	4.531				504
2	Chi nghiệp vụ:	5.024		5.024	493	493		4.531			4.531				504
	<i>Trong đó:</i>														
	+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động đảng bộ cơ sở	61		61				61			61				
	+ Trang phục Thanh tra	29		29				29			29				
	+ Nghiệp vụ	4.791		4.791	479	479		4.312			4.312				
	+ Mua sắm, sửa chữa	143		143	14	14		129			129				
<b>II</b>	<b>CHI SỰ NGHIỆP</b>	<b>7.735</b>	<b>3.415</b>	<b>4.320</b>	<b>423</b>	<b>423</b>		<b>7.312</b>	<b>3.360</b>	<b>55</b>	<b>3.897</b>				
<b>I</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>7.625</b>	<b>3.415</b>	<b>4.210</b>	<b>415</b>	<b>415</b>		<b>7.210</b>	<b>3.360</b>	<b>55</b>	<b>3.795</b>				
a	Chi thường xuyên bộ máy	3.415	3.415					3.415	3.360	55	3.795				
b	Chi nghiệp vụ	4.210		4.210	415	415		3.795			3.795				
	<i>Trong đó:</i>														
	+ Nghiệp vụ	4.064		4.064	406	406		3.658			3.658				
	+ Trang phục Trợ giúp viên pháp lý	56		56				56			56				





Số TT	Nội dung	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC											Sử dụng số thu được để lại theo chế độ quy định thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2024
		Tổng dự toán			Ngân sách quản lý				Dự toán còn lại giao cho đơn vị được sử dụng (3)				
		Tổng số	Ngân sách		Tổng số	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định	Đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3 giảm 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước (Theo K 4 Đ 35 ND 60) năm 2024	Số phi, lệ phí nộp NSNN	Tổng số	Ngân sách		Số phi đơn vị được sử dụng	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ						Nguồn thu phi, lệ phí	Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ/cấp chi thường xuyên		
								Kinh phí tự chủ (1)	Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị đối với kinh phí tự chủ (2)	Kinh phí không tự chủ			
	+ Mua sắm, sửa chữa	90		90					81			81	
2	<b>Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề</b>	<b>110</b>		<b>110</b>					<b>102</b>			<b>102</b>	
a	Trợ cấp cho công chức được cử đi học	30		30					30			30	
b	Kinh phí tập huấn nghiệp vụ	80		80					72			72	

**Ghi chú:**

(1) Ngân sách cấp kinh phí hoạt động tự chủ năm 2024

\* Cơ quan hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4: Căn cứ vào quỹ tiền lương của số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt và áp dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi theo quy định.

\*\* Các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3: Căn cứ vào dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định; căn cứ quy định giảm chi thường xuyên hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước theo lộ trình của Chính phủ, các yếu tố biến động do thay đổi chính sách, chế độ của Nhà nước, thiên tai, dịch bệnh, điều kiện kinh tế - xã hội làm cơ sở phân bổ mức kinh phí thực hiện dự toán năm 2024 và thực hiện giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Khoản 4 Điều 35 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

(2) Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) kinh phí tự chủ để lại tại đơn vị tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2024.

(3) Giao các đơn vị dự toán cấp I căn cứ vào dự toán ngân sách được giao thống nhất với Sở Tài chính lập báo cáo thuyết minh để phục vụ công tác kiểm tra phân bổ giao dự toán theo quy định.

Riêng đối với khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phi, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), các đơn vị dự toán trực thuộc phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi đơn vị dự toán cấp I để tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

